

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số thập phân: Tám mươi ba đơn vị; chín phần mười và bảy phần nghìn, viết là:

- A. 83,97 B. 83,097 C. 83,907 D. 83,079

Phương pháp

Để viết số thập phân, ta viết phần nguyên, viết dấu phẩy rồi đến phần thập phân.

Lời giải

Số thập phân: Tám mươi ba đơn vị; chín phần mười và bảy phần nghìn, viết là: 83,907

Đáp án: C

Câu 2. Lan gieo đồng thời hai đồng xu 50 lần rồi ghi lại kết quả nhận được như bảng sau:

Khả năng xuất hiện	Hai mặt sấp	Hai mặt ngửa	Một mặt sấp, một mặt ngửa
Số lần lặp lại	15	22	13

Tỉ số của số lần lặp lại khả năng xuất hiện hai mặt sấp so với tổng số lần gieo hai đồng xu là:

- A. $\frac{15}{22}$ B. $\frac{15}{50}$ C. $\frac{22}{50}$ D. $\frac{15}{13}$

Phương pháp

Tỉ số của a và b là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$ (b khác 0)

Lời giải

Tỉ số của số lần lặp lại khả năng xuất hiện hai mặt sấp so với tổng số lần gieo hai đồng xu là: $\frac{15}{50}$

Đáp án: B

Câu 3. Giá trị của biểu thức $8,25 : 3 + 2,5 \times 4$ là:

- A. 12,75 B. 19,5 C. 20,5 D. 21

Phương pháp

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải

$$8,25 : 3 + 2,5 \times 4 = 2,75 + 10 = 12,75$$

Đáp án: A

Câu 4. Một huyện có 320 ha đất trồng cây cà phê và 480 ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê?

- A. 150% B. 15% C. 1500% D. 1,5%

Phương pháp

Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b, ta lấy a chia cho b rồi nhân với 100%

Lời giải

Diện tích đất trồng cây cao su so với diện tích đất trồng cây cà phê là:

$$480 : 320 = 1,5 = 150\%$$

Đáp án: A

Câu 5. Loài báo đốm có thể di chuyển với vận tốc 104 km/giờ. Tính thời gian báo đốm di chuyển trên quãng đường 156 km.

- A. 1,5 giờ B. 1,6 giờ C. 1,7 giờ D. 1,8 giờ

Phương pháp

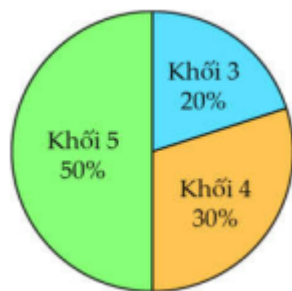
Thời gian = quãng đường : vận tốc

Lời giải

Thời gian báo đốm di chuyển trên quãng đường 156 km là $156 : 104 = 1,5$ (giờ)

Đáp án: A

Câu 6. Biểu đồ bên thống kê số học sinh của mỗi khối lớp tham gia Câu lạc bộ STEM của một trường tiểu học. Biết tổng số học sinh tham gia Câu lạc bộ STEM là 60 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh khối lớp 4 tham gia Câu lạc bộ STEM?



- A. 30 học sinh B. 24 học sinh C. 12 học sinh D. 18 học sinh

Phương pháp

Số học sinh khối lớp 4 tham gia = số học sinh của câu lạc bộ : 100 x số phần trăm học sinh khối 4 tham gia

Lời giải

Số học sinh khối lớp 4 tham gia Câu lạc bộ STEM là $60 : 100 \times 30 = 18$ (học sinh)

Đáp án: D

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính.

a) 6 phút 40 giây x 8

b) 13 ngày 20 giờ : 4

Phương pháp

- Đặt tính rồi tính như với phép tính số tự nhiên.

- Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.

- Nếu số đo thời gian ở đơn vị bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải

6 phút 40 giây

x

8

48 phút 320 giây (320 giây = 5 phút 20 giây)

Vậy 6 phút 40 giây x 8 = 53 phút 20 giây

13 ngày 20 giờ	4
1 ngày = 24 giờ	3 ngày 11 giờ
44 giờ	
0	

Câu 2. >, <, = ?

23,85 dm³ 2,3 m³

1700 cm³ 1,7 dm³

3,92 m³ 392 000 cm³

138,5 cm³ 0,1385 dm³

Phương phápÁp dụng cách đổi: 1m³ = 1 000 dm³ ; 1dm³ = 1 000 cm³**Lời giải**

23,85 dm³ < 2,3 m³

1700 cm³ = 1,7 dm³

3,92 m³ > 392 000 cm³

138,5 cm³ = 0,1385 dm³

Câu 3. Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng bể là: chiều dài 3 m, chiều rộng 25 dm và chiều cao 1,2 m . Hỏi:a) Khi bể đầy thì bể chứa được bao nhiêu lít nước? (1dm³ = 1 lít)b) Khi bể không có nước người ta mở vòi cho chảy vào bể, mỗi giờ được 0,5 m³. Hỏi sau mấy giờ thì đầy bể?**Phương pháp**

a) Thể tích bể = chiều dài x chiều rộng x chiều cao

b) Thời gian vòi chảy đầy bể = Thể tích bể : lượng nước mỗi giờ chảy được

Lời giải

a) Đổi: 3 m = 30 dm ; 1,2 m = 12 dm

Khi bể đầy thì bể chứa được số lít nước là:

$$30 \times 25 \times 12 = 9\,000 \text{ (dm}^3\text{)} = 9\,000 \text{ lít}$$

b) Đồi $0,5 \text{ m}^3 = 500 \text{ dm}^3$

Bể đầy sau số giờ là:

$$9000 : 500 = 18 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: a) 9000 lít nước

b) 18 giờ

Câu 4. Lúc 6 giờ 45 phút, bác Hùng đi xe máy từ nhà với vận tốc 35km/h về quê. Dọc đường, bác dừng lại nghỉ 15 phút và về đến quê lúc 9 giờ 30 phút. Hỏi quãng đường từ nhà bác Hùng về đến quê dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Phương pháp

Bước 1. Tìm thời gian bác Hùng đi từ nhà về quê không kể thời gian nghỉ

Bước 2. Quãng đường = vận tốc x thời gian

Lời giải

Thời gian bác Hùng đi từ nhà về quê không kể thời gian nghỉ là:

$$9 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 6 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 15 \text{ phút} = 2 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 2,5 \text{ giờ}$$

Quãng đường từ nhà bác Hùng về đến quê dài số ki-lô-mét là:

$$35 \times 2,5 = 87,5 \text{ (km)}$$

Đáp số: 87,5 km